

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày: 09/6/2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Mỹ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Ban, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 65/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp Tr Th, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Hữu T** sinh năm: 1964. (Vắng mặt)

ĐKTH: ấp M Ph, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: ấp Nh Kh, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

2/ Bà **Đặng Thị Th**, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Nh Kh, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 22/8/2020 của nguyên đơn cũng như ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa: Vào ngày 15/02/2017 (âm lịch) bà M có vô dây hụi tháng 01 triệu đồng và tổng cộng là 24 phần hụi. Vì bà M với bà Th quen biết với nhau nên vợ chồng bà Th, ông T có nhờ bà M hốt và giao tiền cho vợ chồng bà Th mượn, bà Th, ông T sẽ đóng hụi chết hàng tháng.

Sau khi bà M hốt hụi được số tiền 14.000.000đồng thì giao tiền cho vợ chồng bà T, ông T. Khi đó thì bà Th, ông T có làm “Tờ cam kết” nội dung hàng tháng vào ngày 25 (âm lịch) sẽ đóng hụi chết cho bà M để bà M đóng cho chủ hụi. Nhưng sau khi nhận tiền thì vợ chồng bà Th chỉ đóng hụi chết 04 tháng rồi ngưng không đóng cho đến nay nên bà M phải đóng thay cho vợ chồng bà Th đến mãn hụi.

Nay bà M yêu cầu vợ chồng bà Th, ông T phải trả số tiền hụi chết mà bà M đã đóng thay là 20 lần. Tổng cộng là 20.000.000đ và lãi suất theo ngân hàng qui định là 1,5%/tháng tính từ thời gian mãn hụi là tháng 4 năm 2019 (DL) đến ngày xét xử.

Đồng thời, theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2020 bà M cho rằng khoảng tháng 10 năm 2018 bà Th có hỏi mượn bà M số tiền 2.500.000đ (không có lập biên nhận) chỉ đưa cho bà M 01 thẻ ngân hàng do ông T chồng bà Th đứng tên, bà Th nói cần tiền hỏi mượn vài ngày sau lãnh lương sẽ trả lại. Nhưng đến nay chưa trả nên bà M yêu cầu bà Th trả số tiền đã vay là 2.500.000đ và lãi suất theo Ngân hàng. Tuy nhiên, hôn nay vợ chồng bà Th không đến dự phiên tòa nên bà M rút lại yêu cầu này.

** Phía bị đơn – Nguyễn Hữu T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Vợ ông T là bà Đặng Thị Th đi làm xa đến tối mới về nhà nên không đến Tòa án để hòa giải được. Sự việc chơi hụi giữa bà M với vợ ông như thế nào thì ông T không biết nhưng trước đây khoảng năm 2019 bà M có khởi kiện vợ chồng ông T ra tòa án nhân dân huyện Phong Điền để hòa giải số nợ 40.000.000đ thì các bên đã hòa giải thành nên Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận và hiện nay Thi hành án đang trừ bằng lương hưu của ông T để trả nợ cho bà M.

Riêng T Cam kết là chứng cứ bà M cung cấp cho Tòa án có chữ ký tên của ông T, bà Th thì ông T thống nhất, nhưng ông T cho rằng số nợ này đã được giải quyết rồi cho nên ông sẽ về hỏi lại bà T và sẽ làm việc với Tòa án ở lần hòa giải tới.

Tuy nhiên, phía bị đơn Nguyễn Hữu T chỉ đến Tòa án dự hòa giải một lần và sau đó vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo cũng như giấy triệu tập cho các bị đơn. Tuy bà Th không trực tiếp nhận giấy triệu tập nhưng ông T cũng như con gái bà Th (Nguyễn Ngọc Ng) đã trực tiếp nhận giấy triệu tập và cam kết giao lại cho bà Th, ông T. Nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được với bà Th cũng như không ghi nhận được ý

kiến của bà Th. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn Nguyễn Hữu T và Đặng Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2020 và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền đã vay tổng cộng là **26.300.000đ** (vốn 20.000.000đ, lãi 6.300.000đ nên đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” và các bị đơn Nguyễn Hữu T và Đặng Thị Th cư ngụ tại ấp Nh Kh, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ 2.500.000đ vì đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với câu này.

[2] Xét yêu cầu và chứng cứ nguyên đơn cung cấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì có mối quan hệ quen biết nên nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền. Bà Mh cho rằng bà Th nhờ bà chơi hụi và hốt giúp bà Th 01 dây hụi vì bà Th không được chủ hụi cho tham gia chơi hụi mà bà M tham gia nhiều dây hụi nên bà M đồng ý.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính “*Tờ cam kết*” ngày 18/5/2017 (âm lịch). Nội dung tờ cam kết trên thể hiện bà Th, ông T có nhờ bà M vô 01 dây hụi 1.000.000đ/tháng (tháng 02 năm 2017- âm lịch) và bà M kêu hụi hốt được 14.000.000đ để giao tiền cho bà Th, ông T

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Hữu T thống nhất nội dung cũng như chữ ký trên T cam kết. Nhưng ông T cho rằng hoàn toàn không biết sự việc chơi hụi, vay tiền giữa vợ ông với nguyên đơn. Tòa án đã ghi nhận ý kiến bị đơn Nguyễn Hữu T và bị đơn đã cam kết sẽ hỏi lại bà T để có ý kiến hòa giải sau. Nhưng các bị đơn đã vắng mặt trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa xét xử công khai hôm nay. Đồng thời, ông T đã không cung cấp bất kỳ chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của ông.

Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thể hiện đầy đủ trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3] Theo diễn biến vụ việc được đương sự cung cấp tại hồ sơ vụ án, ngày 18/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã ra Quyết định Công nhận sự thỏa thuận số 43/2018/QĐST-DS giữa Trần Thị M với Nguyễn Hữu T và Đặng Thị Th ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc ông T, bà Th trả cho bà Mh số tiền 44.000.000đ (vốn gốc 40.000.000đ, lãi 4.000.000đ). Nguyên đơn đã yêu cầu Thi hành án và ông Tâm, bà Thoi đang thi hành theo Quyết định thi hành án số 162/QĐ-CCTHADS ngày 13/11/2018.

Bị đơn cho rằng, số tiền theo Tờ cam kết nhận số tiền 14.000.000đ đây là số tiền đã được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 43/2018/QĐST-DS ngày 18/10/2018 nêu trên. Nhưng nguyên đơn trình bày cũng như chứng cứ thể hiện hai số nợ này khác nhau và nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ bản chính để chứng minh yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, hòa giải vụ án thì bị đơn Nguyễn Hữu T đã biết chứng cứ và thừa nhận chữ ký của ông trên biên nhận. Riêng bị đơn Đặng Thị Th vắng mặt không có lý do dù rằng bị đơn đã nhận được đầy đủ thông báo, giấy triệu tập của Tòa án thể hiện bị đơn đã biết toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nhưng cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên yêu cầu nguyên đơn là có cơ sở.

Xét chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn thì số tiền 14.000.000đ trong Tờ cam kết xuất phát từ tiền hui. Sau khi nguyên đơn hốt hui đã giao số tiền 14.000.000đ tương ứng 24 phần hui thì hàng tháng bị đơn phải đóng lại 1.000.000đ (hui chết) và bị đơn chỉ đóng được 04 tháng thì ngưng. Do đó, 20 tháng còn lại nguyên đơn đã đóng thay cho bị đơn số hui chết tương đương số tiền 20.000.000đ. Do nguyên đơn khởi kiện và cung cấp được chứng cứ là “Tờ cam kết” bản chính để chứng minh yêu cầu của mình và bị đơn Nguyễn Hữu T cũng thừa nhận có viết, ký tên vào “Tờ cam kết” mà không chứng minh được là do ép buộc hoặc đã trả xong số tiền mượn nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] *Xét về lãi suất*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trên số tiền 20.000.000đ theo lãi suất Ngân hàng nhà nước qui định là 1,5% /tháng tính từ khi mãn hui là tháng 4 năm 2019 đến ngày xét xử số tiền 6.300.000đ. Nhưng theo chứng cứ thể hiện sự việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất nên căn cứ vào khoảng 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất được hội đồng xét xử xem xét là 10%/năm tính từ thời điểm nguyên đơn đã hoàn thành việc đóng hui chết thay cho bị đơn đến nay là 02 năm 02 tháng. Cụ thể: $(20.000.000đ \times 10\% \times 2) + ((20.000.000đ \times 10\% \times 2) : 12) = 4.000.000đ + 333.000đ = 4.333.000đ$

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu một phần án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí trên toàn bộ số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị M khởi kiện bị đơn Đặng Thị Th số tiền vay 2.500.000đ.

Khi án có hiệu lực, buộc bị đơn Nguyễn Hữu T và Đặng Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Trần Thị M tiền vay là 24.333.000đ (trong đó vốn: 20.000.000đ, lãi: 4.333.000đ).

Trong trường hợp người có nghĩa vụ chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Án phí: Bị đơn Nguyễn Hữu T và Đặng Thị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.216.000đ. Nguyên đơn Trần Thị M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ Trần Thị M đã nộp theo phiếu thu số AA/2019/017781 ngày 30/11/2020 thành tiền án phí. Đồng thời, bà Trần Thị M phải nộp án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 300.000đ khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị M đã nộp 657.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số AA/2019/017782 ngày 30/11/2020 nên bà M được nhận lại số tiền 357.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết theo quy định pháp luật các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- Lưu (HS - 2b).

Hồ Mỹ Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Long

Nguyễn Thanh Hải

Hồ Mỹ Xuân

